SAO Y; Ban Quản lý Khu kinh tế; 21/02/2024; 15:09:23 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 641 /GPMT-BQL	*Hải Phòng, ngày 21 tháng 02 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 15/CVMT-TSVN ngày 15/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 29/CVMT-TS ngày 29/01/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án "Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng";

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-TSV ngày 30/8/2023 của Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng công trình Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng; Hạng mục: Giấy phép môi trường:

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam), Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng" tại lô CN 5.2N, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 5.2N, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 4304303354 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/07/2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 08/08/2023. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602029555-001 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2017.

1.4. Mã số thuế: 3602029555-001

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng kho chứa, bồn bể chiết rót và lưu giữ hàng hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích: 27.167,8 m^2.

- Quy mô, công suất: 122.000 tấn/năm, trong đó:

+ Sản phẩm từ hóa chất chưa phân vào đâu: 97.000 tấn/năm

+ Sản phẩm dầu gốc dùng cho ngành sản xuất dầu nhờn: 15.000 tấn/năm

+ Sản phẩm dầu nhờn: 10.000 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam), Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam), Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21 tháng 02 năm 2024 đến ngày 21 tháng 02 năm 2034).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2; quận Hải An;
- Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam)
- Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng;
- Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Cổng TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 141/GPMT-BQL ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung của của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

Toàn bộ nước thải từ dự án "Chi nhánh Công ty TNHH Top Solvent (Việt Nam) – Nhà máy Cảng Hải Phòng" được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày đêm của nhà máy, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ do Công ty CP khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư.

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại (tổng dung tích 6m^3, mỗi bể có dung tích 3m^3).

Toàn bộ nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại) được đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày đêm. Sau đó theo đường ống dẫn chảy về hệ thống thu gom, xử lý nước tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ thí nghiệm và nước xả đáy hầm hàng sau chiết rót khoảng 336kg/năm, được thu gom xử lý như chất thải nguy hại của Nhà máy. Không thải bỏ ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu → 2 bể tự hoại (dung tích: 3 m3/bể) + nước thải sinh hoạt khác → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của nhà máy (công suất: 50 m^3/ngày) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

Công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của nhà máy (công suất: 50 m^3/ngày): Nước thải → Hố gom → Bể điều hòa → Bể khử Nito → Bể MBRR → Bể lắng cơ học → Bể khử trùng → Hố ga nước thải cuối → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

- Công suất thiết kế:

+ 02 bể tự hoại, tổng dung tích 6m^3 (mỗi bể có dung tích 3m^3).

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất: 50 m^3/ngày.

- Toạ độ điểm xả thải: X (m) = 2303880.185; Y(m) = 606993.451.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty đã vận hành thử nghiệm xong các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án tại Văn bản số 5131/STNMT-CCBVMT ngày 24/12/2021.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.641./GPMT-BQL ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ phòng thí nghiệm 1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ phòng thí nghiệm 2.
- Nguồn số 03: Khí thải từ khu vực chiết rót .

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 03 dòng

- Dòng 01: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng thí nghiệm 1. Toạ độ: X(m)= 2303680; Y(m)= 609001.

- Dòng 02: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ phòng thí nghiệm 2. Toạ độ: X(m)=2303686;; Y(m)= 609002.

- Dòng 03: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực chiết rót. Toạ độ: X(m)= 2303654. Y(m)= 609124.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.500 m^3/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.500 m^3/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 480 m^3/giờ.

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.480 m^3/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường không khí qua ống thải, xả gián đoạn theo ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (Cột B; Kp = 1; Kv = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 19:2009 /BTNMT (Cột B,	QCVN 20:2009 /BTNMT (Cột B)		

			Kp= 1 và Kv= 0,6)			
1	Bụi	*mg/Nm³*	120		Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ -CP của Chính Phủ
2	Lưu lượng	*m³/h*	-			
3	Aceton	*mg/Nm³*	-	-		
4	n-Hexan	*mg/Nm³*	-	450		
5	Toluen	*mg/Nm³*	-	750		
6	Xylen	*mg/Nm³*	-	870		

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn 01: Khí thải từ phòng thí nghiệm 1 được chụp hút thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải hấp phụ than hoạt tính.

- Nguồn 02: Khí thải từ phòng thí nghiệm 2 được chụp hút thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải hấp phụ than hoạt tính.

- Nguồn 03: Khí thải từ khu vực chiết rót hóa chất được chụp hút thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải hấp phụ than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực phòng thí nghiệm 1: Khí thải từ khu vực phòng thí nghiệm 1 → Hệ thống chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống dẫn khí 1 (ống phóng không) (ống phóng không; kích thước: 0,3 x 0,3(m); cao: 2m).

+ Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực phòng thí nghiệm 2: Khí thải từ khu vực phòng thí nghiệm 2 → Hệ thống chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống dẫn khí 2 (ống phóng không) (ống phóng không; kích thước: 0,3 x 0,3(m); cao: 2m).

+ Hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực chiết rót hóa chất: Khí thải từ khu vực chiết rót hoát chất → Hệ thống chụp hút → Hệ thống ống dẫn →

Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính→ Quạt hút → Ống dẫn khí 3 (ống phóng không) (ống phóng không; kích thước: 0,3 x 0,3(m); cao: 2m).

- Công suất thiết kế:

+ 01 hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực phòng thí nghiệm 1: 700 – 4.500 m^3/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực phòng thí nghiệm 2: 700 – 4.500 m^3/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực chiết rót hóa chất: 480 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty đã vận hành thử nghiệm xong các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án tại Văn bản số 5131/STNMT-CCBVMT ngày 24/12/2021.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại điểm 2.2.2, Mục I Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 641/GPMT-BQL ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực trạm bơm chiết rót.
- Nguồn số 02: Khu vực máy thổi khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2303772; Y(m) = 609151.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2302339; Y(m) = 608988.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105° 45', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.691/GPMT-BQL ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	120
2	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	150
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	40
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc *(Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác)*, giẻ lau *(bao gồm giẻ lau con pig)*, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 01 02	50
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	5
6	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	30
7	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	100
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	30
9	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 04	70
10	Nước thải có các thành phần nguy hại *(nước xả đáy hầm hàng, nước rửa dụng cụ thí nghiệm)*	Lỏng	19 10 01	336
Tổng số lượng				**931**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: niêm sắt, niêm nhựa, giấy, giẻ lau... khoảng 11,8 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 9,03 kg/ngày (2.817,36 kg/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 200 lít có nắp đậy, đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 15 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại được quây tôn mạ màu khép kín, mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng ra bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu giữ, diện tích 20 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải có tường bao, mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định. Đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 20 lít - 120 lít có nắp đậy tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, xưởng sản xuất, khuôn viên nhà máy.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 64/GPMT-BQL ngày 14 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.